

Bản án số: 02/2017/KDTM-ST
Ngày: 16-5-2018.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.
2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 30/2013/TLST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2013, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng.

Địa chỉ trụ sở: Số AA, Quốc lộ B, khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Xuân H; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961;
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962;
- Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1985;
- Bà Đinh Thị Bích Th1, sinh năm 1983;
- Bà Nguyễn Lệ Anh Ph1, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ X, khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bà Th có mặt; ông T, ông Ph, bà Th1 và bà Ph1 vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đường Hữu Th2, sinh năm 1983;

- Bà Phạm Thị Thanh Th3, sinh năm 1983;
- Ông Nguyễn Hồng Phúc Th4, sinh năm 1989.
Cùng địa chỉ: Tổ X, khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
(Ông Th2, bà Th3 và ông Th4 vắng mặt)
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh B.
Địa chỉ trụ sở: Số LL Huỳnh Ngọc Hay, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C; Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Phó Giám đốc
Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi (Theo giấy ủy quyền số 20/GUQ-SNN ngày 08/5/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh B).
“Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2013, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Quỹ tín dụng - ông Trương Xuân H trình bày:

1. Ngày 04/10/2010, Quỹ tín dụng và bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T ký kết hợp đồng tín dụng số 446/HĐTD, theo đó Quỹ tín dụng cho bà Th và ông T vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 04/10/2010 đến ngày 04/10/2011; lãi suất trong hạn: 1,65%/tháng (Lãi suất sẽ điều chỉnh tăng theo cơ chế lãi suất VNĐ trên cơ sở Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước); lãi suất quá hạn: 2,475%/tháng; trả lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò và chăm sóc Điều; kỳ hạn trả nợ: Trả hết một lần vào ngày đến hạn.

Quỹ tín dụng đã giải ngân chi tiền cho ông T, bà Th ngày 04/10/2010 và bà Th, ông T đã nhận đủ số tiền vay 300.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Th và ông T chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho Quỹ tín dụng.

Tính đến ngày 15/5/2018, bà Th và ông T nợ Quỹ tín dụng số tiền tổng cộng là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng, nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng.

2. Ngày 04/10/2010, Quỹ tín dụng và bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 ký kết hợp đồng tín dụng số 447/HĐTD, theo đó Quỹ tín dụng cho bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 04/10/2010 đến ngày 04/10/2011; lãi suất trong hạn: 1,65%/tháng (Lãi suất sẽ điều chỉnh tăng theo cơ chế lãi suất VNĐ trên cơ sở Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước); lãi suất quá hạn: 2,475%/tháng; trả lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò và chăm sóc Điều; kỳ hạn trả nợ: Trả hết một lần vào ngày đến hạn.

Ngày 04/10/2010, Quỹ tín dụng đã giải ngân chi tiền và bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 đã nhận đủ số tiền vay 200.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho Quỹ tín dụng.

Tính đến ngày 15/5/2018, bà Nguyễn Lê Anh Ph1 nợ Quỹ tín dụng số tiền tổng cộng là 638.625.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 200.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 40.150.000đồng, nợ lãi quá hạn là 398.475.000 đồng.

3. Ngày 04/10/2010, Quỹ tín dụng và ông Nguyễn Hữu Ph, bà Đinh Thị Bích Th1 ký kết hợp đồng tín dụng số 448/HĐTD, theo đó Quỹ tín dụng cho ông Nguyễn Hữu Ph, bà Đinh Thị Bích Th1 vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 04/10/2010 đến ngày 04/10/2011; lãi suất trong hạn: 1,65%/tháng (Lãi suất sẽ điều chỉnh tăng theo cơ chế lãi suất VNĐ trên cơ sở Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước); lãi suất quá hạn: 2,475%/tháng; trả lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò và chăm sóc Điều; kỳ hạn trả nợ: Trả hết một lần vào ngày đến hạn.

Ngày 04/10/2010, Quỹ tín dụng đã giải ngân chi tiền và ông Nguyễn Hữu Ph, bà Đinh Thị Bích Th1 đã nhận đủ số tiền vay 300.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Ph và bà Th1 chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho Quỹ tín dụng.

Tính đến ngày 15/5/2018, ông Ph và bà Th1 nợ Quỹ tín dụng số tiền tổng cộng là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng, nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng.

Tài sản bảo đảm: Là quyền sử dụng đất 440,7m² (300m² đất thổ cư và 140,7m² đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 26 tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 diện tích là 250m² tọa lạc tại thị trấn P, huyện X. Đất được UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 177712 ngày 01/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Đường Hữu Th2 đứng tên. (Theo các Hợp đồng thế chấp tài sản bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 373/QTD, 380/QTD và 389/QTD ngày 29/9/2010).

Tuy nhiên, sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ đất thế chấp thì thửa đất 26 tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X có diện tích là 335,9m² và trên đất có 01 nhà xây diện tích 212m²; trong đó một phần căn nhà diện tích 118m² được xây dựng trên thửa đất số 26, còn một phần căn nhà diện tích 94m² được xây dựng trên phần đất thuộc lòng hồ Xuyên Mộc, đất chưa được cấp giấy chứng nhận và do nhà nước quản lý. Khi nhận thế chấp tài sản thì Quỹ tín dụng có đến thửa đất thế chấp để xem xét, thẩm định tại chỗ. Khi đó, trên đất đã có căn nhà cấp 4 và gia đình bà Th cũng chỉ phần đất thế chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng Quỹ tín dụng không mời cán bộ địa chính đi thẩm định cùng và căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng sự chỉ ranh của chủ đất để nhận thế chấp, nên Quỹ tín dụng không biết một phần căn nhà thế chấp được xây dựng trên phần đất do nhà nước quản lý.

Nay, Quỹ tín dụng yêu cầu:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T phải trả cho Quỹ tín dụng khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/5/2018, tổng cộng là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục trả lãi cho Quỹ tín dụng đối với số nợ gốc là 300.000.000 đồng, theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 446/HĐTD ngày 04/10/2010, kể từ ngày 16/5/2018 đến khi trả xong nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng.

- Yêu cầu bà Nguyễn Lê Anh Ph1 phải trả cho Quỹ tín dụng khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/5/2018 tổng cộng là 638.625.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Lê Anh Ph1 phải tiếp tục trả lãi cho Quỹ tín dụng đối với số nợ gốc là 200.000.000 đồng, theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 447/HĐTD ngày 04/10/2010, kể từ ngày 16/5/2018 đến khi trả xong nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng.

- Yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 phải trả cho Quỹ tín dụng khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/5/2018, tổng cộng là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 phải tiếp tục trả lãi cho Quỹ tín dụng đối với số nợ gốc là 300.000.000 đồng, theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 448/HĐTD ngày 04/10/2010, kể từ ngày 16/5/2018 đến khi trả xong nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ trên cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại toàn bộ tài sản thế chấp gồm đất, tài sản trên đất và toàn bộ diện tích căn nhà 212m² thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản khai ngày 20/8/2013, các biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn - bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 04/10/2010, bà Th và chồng là ông Nguyễn Văn T có vay Quỹ tín dụng số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,56%/tháng. Do làm ăn thua lỗ nên từ khi vay chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho Quỹ tín dụng.

Tại phiên hòa giải ngày 23/3/2018, bà xác nhận bà và chồng là ông T còn nợ Quỹ tín dụng khoản nợ sau:

- + Nợ gốc: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);
- + Nợ lãi tính đến ngày 29/3/2017 là 547.057.500 đồng (Trong đó nợ lãi trong hạn là 60.225.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 486.832.500 đồng);
- + Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/3/2017 là 847.057.500 đồng (Tám trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Th thống nhất với lời trình bày của đại diện cho Quỹ tín dụng về số tiền đã vay, đã nhận số tiền vay của Quỹ tín dụng theo như toàn bộ nội dung trong hợp đồng tín dụng số 446/HĐTD ngày 04/10/2010 và việc thế chấp tài sản. Nhưng do khả năng kinh tế gặp khó khăn nên bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T và các con của bà là bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 không có khả năng trả nợ. Quỹ tín dụng đã nhiều lần thông báo, làm việc

và đôn đốc bà Th, ông T, bà Ph1, ông Ph và bà Th1 về việc trả nợ gốc và lãi nhưng đến nay vẫn chưa trả được khoản nào cho Quỹ tín dụng.

Để bảo đảm cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 thì ông Nguyễn Đường Hữu Th2 và bà Phạm Thị Thanh Th3 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 26 tờ bản đồ số 50, có diện tích là 440,7m² (300m² đất thổ cư và 140,7m² đất nông nghiệp) và nhà ở diện tích là 250m² trên đất, đất tại thị trấn P, huyện X. Đất được UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Đ 177712 ngày 01/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Đường Hữu Th2 đứng tên. Năm 2006, vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T xây dựng căn nhà trên đất và vợ chồng bà Th, ông T cùng các con của bà Th, ông T sống tại nhà trên. Khoảng vài năm sau này, các con của bà Th đi làm ăn ở xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà. Khi xây nhà thì vợ chồng ông T, bà Th có xin giấy phép xây nhà nhưng chính quyền không cho, nhưng vợ chồng bà Th, ông T vẫn tiến hành tự ý xây nhà trên đất, mặc dù có một phần căn nhà không thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Đường Hữu Th2.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th thống nhất và đồng ý với toàn bộ yêu cầu của Quỹ tín dụng về việc trả nợ và việc xử lý tài sản thế chấp trên.

Tại bản khai ngày 20/8/2013, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 04/10/2010, ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị Th có vay Quỹ tín dụng số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,56%/tháng. Do làm ăn thua lỗ nên từ khi vay chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho Quỹ tín dụng.

Để bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Th thì ông Nguyễn Đường Hữu Th2 và bà Phạm Thị Thanh Th3 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 26 tờ bản đồ số 50, có diện tích là 440,7m² (300m² đất thổ cư và 140,7m² đất nông nghiệp) và nhà ở diện tích là 250m² trên đất, đất tại thị trấn P, huyện X. Đất được UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận QSD đất số Đ 177712 ngày 01/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Đường Hữu Th2 đứng tên.

Ông T đồng ý trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng, nhưng xin một thời gian để bán nhà, thu xếp trả nợ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày:

Diện tích một phần căn nhà 94m² xây dựng nằm trên cao trình mực nước dâng gia cường thuộc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi hồ Xuyên Mộc, nhưng chưa được thu hồi. Phần đất này hiện nay không thuộc sự quản lý của Trung tâm Quản lý Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, khi nào thu hồi và đền bù thì Trung tâm mới quản lý, do đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có yêu cầu hay ý kiến gì đối với phần đất này.

Các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau đây vắng mặt trong quá trình tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T có văn bản ý kiến tại bản khai ngày 20/8/2013, còn các bị đơn là bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích

Th1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đường Hữu Th2, bà Phạm Thị Thanh Th3 và ông Nguyễn Hồng Phúc Th4 không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 30/2017/TLST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2013; Các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (Kèm theo giấy triệu tập) để các đương sự nêu trên đến Tòa án để làm việc, nhưng các đương sự trên đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn P, huyện X thì ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph, ông Nguyễn Đường Hữu Th2 và ông Nguyễn Hồng Phúc Th4 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khu phố Phước Lộc, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Riêng bà Phạm Thị Thanh Th3 và bà Đinh Thị Bích Th1 không đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, nhưng vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1, vợ chồng ông Nguyễn Đường Hữu Th2, bà Phạm Thị Thanh Th3 đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về ở tại căn nhà của ông T và bà Th hiện nay đang sinh sống. Do các đương sự trên không đến Tòa án để làm việc và Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho các đương sự trên, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết đối với các đương sự trên và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Thời gian giải quyết vụ án còn để kéo dài là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, tuy nhiên không ảnh hưởng tới nội dung vụ án.

Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật nên xét xử vắng mặt các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, đồng thời phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả không hết nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện X nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh theo các hợp đồng tín dụng có mục đích lợi nhuận giữa Quỹ tín dụng và bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các bị đơn có nơi cư trú tại Tổ X, khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện và áp dụng luật:

Từ ngày 05/10/2011, các bị đơn không thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho nguyên đơn, nên ngày 01/7/2013 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả nợ là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên đương sự thực hiện giao dịch vay tiền năm 2010, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Đinh Thị Bích Th1, bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đường Hữu Th2, bà Phạm Thị Thanh Th3 và ông Nguyễn Hồng Phúc Th4. Tuy nhiên các đương sự trên không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 24/4/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 16/5/2015, các đương sự trên đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo luật định.

[4]. Yêu cầu của nguyên đơn đối với các bị đơn về việc trả nợ:

[4.1]. Căn cứ giấy đề nghị vay vốn của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T ngày 29/9/2010; hợp đồng tín dụng số 446/HĐTD ngày 04/10/2010 giữa các bên; giấy nhận nợ lập ngày 04/10/2010 và sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T. Xác định, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T vay của Quỹ tín dụng số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và đã nhận đủ tiền; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/10/2010 đến ngày 04/10/2011; lãi suất trong hạn 1,65%/tháng; lãi suất quá hạn 2,475%/tháng; trả lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò và chăm sóc Điều; kỳ hạn trả nợ: Trả hết một lần vào ngày đến hạn.

Từ khi vay đến ngày 15/5/2018, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T chưa trả khoản tiền lãi và gốc nào cho Quỹ tín dụng và còn nợ Quỹ tín dụng số tiền là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng, nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng.

[4.2]. Căn cứ giấy đề nghị vay vốn của bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 ngày 29/9/2010; hợp đồng tín dụng số 447/HĐTD ngày 04/10/2010 và giấy nhận nợ lập ngày 04/10/2010, xác định bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 có vay của Quỹ tín dụng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và đã nhận đủ tiền; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/10/2010 đến ngày 04/10/2011; lãi suất trong hạn 1,65%/tháng; lãi suất quá hạn 2,475%/tháng; trả lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò

và chăm sóc Điều; kỳ hạn trả nợ: Trả hết một lần vào ngày đến hạn.

Từ khi vay đến ngày 15/5/2018, bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 chưa trả khoản tiền lãi và gốc nào cho Quỹ tín dụng và còn nợ số tiền là 638.625.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 200.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 40.150.000đồng, nợ lãi quá hạn là 398.475.000 đồng.

[4.3]. Căn cứ giấy đề nghị vay vốn của ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 ngày 29/9/2010; hợp đồng tín dụng số 448/HĐTD ngày 04/10/2010 và giấy nhận nợ lập ngày 04/10/2010, xác định ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 có vay của Quỹ tín dụng số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/10/2010 đến ngày 04/10/2011; lãi suất trong hạn 1,65%/tháng; lãi suất quá hạn 2,475%/tháng; trả lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò và chăm sóc Điều; kỳ hạn trả nợ: Trả hết một lần vào ngày đến hạn.

Từ khi vay đến ngày 15/5/2018, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Đinh Thị Bích Th1 chưa trả khoản tiền lãi và gốc nào cho Quỹ tín dụng và còn nợ số tiền là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng, nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng.

[5]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng kể từ ngày vay đến ngày 15/5/2018, phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lệ Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc và nợ lãi nào cho nguyên đơn, như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

Vì vậy, Quỹ tín dụng yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/5/2018 đối với bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); đối với bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 là 638.625.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và đối với ông Nguyễn Hữu Ph, bà Đinh Thị Bích Th1 là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/5/2018 cho đến ngày các bị đơn thanh toán hết nợ cho Quỹ tín dụng theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận của các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về tài sản bảo đảm: Đề bảo đảm cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lệ Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 thì ông Nguyễn Đường Hữu Th2 và bà Phạm Thị Thanh Th3 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích là 440,7m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 250m² thuộc thửa đất số 26 tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X. Đất được UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 177712 ngày 01/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Đường Hữu Th2 theo các Hợp đồng thế chấp tài sản bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 373/QTD, số 380/QTD và số 389/QTD cùng ngày 29/9/2010, giữa bên nhận thế chấp là Quỹ tín dụng, bên thế chấp là ông Nguyễn Đường Hữu Th2 và bà Phạm Thị Thanh Th3 và

bên vay là bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T; bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 và ông Nguyễn Hữu Ph, bà Đinh Thị Bích Th1.

Các bên đương sự tự nguyện ký vào hợp đồng thế chấp, không bị lừa dối hay ép buộc; các hợp đồng thế chấp nêu trên được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X ngày 29/9/2010 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X ngày 29/9/2010. Vì vậy các hợp đồng thế chấp số 373/QTD, số 380/QTD và số 389/QTD cùng ngày 29/9/2010 đúng quy định theo các Điều 322, 323, 342, 343, 355, 474, 715, 716 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ thực tế thì ghi nhận như sau: Quyền sử dụng đất số Đ 177712 được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/9/2004 cho hộ ông Nguyễn Đường Hữu Th2, theo giấy chứng nhận thì diện tích là 440,7m² (Số liệu bản đồ số hóa năm 2005). Diện tích thực tế sau khi đo là 335,9m² và căn nhà thế chấp có diện tích là 212m², trong đó một phần căn nhà diện tích 118m² được xây dựng trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X, phần còn lại của căn nhà diện tích 94m² được xây dựng ngoài phạm vi thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X.

Nguyên nhân dẫn đến sự sai lệch nêu trên là do khi làm thủ tục vay vốn, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất các bên không xem xét thẩm định tài sản thế chấp; thế chấp quyền sử dụng đất theo diện tích ghi trên giấy chứng nhận và tài sản gắn liền với đất là căn nhà không có giấy phép xây dựng, không rõ diện tích xây dựng và vị trí xây dựng trên thửa đất và các bên tự ghi trong hợp đồng thế chấp về diện tích căn nhà là 250m².

[7]. Đối chiếu các Hợp đồng thế chấp tài sản bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 373/QTD, số 380/QTD và số 389/QTD cùng ngày 29/9/2010 với Sơ đồ vị trí ngày 06/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X xác định thể hiện một phần căn nhà xây dựng có diện tích 94m² không thuộc phạm vi đất thế chấp tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X. Nên, Quỹ tín dụng yêu cầu phát mại toàn bộ 212m² diện tích căn nhà thế chấp trong trường hợp phía bị đơn không trả hoặc trả không hết nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó cần tuyên vô hiệu một phần các hợp đồng thế chấp số 373/QTD, số 380/QTD và số 389/QTD cùng ngày 29/9/2010 đối với tài sản gắn liền với đất là phần căn nhà diện tích 94m² ngoài diện tích đất thế chấp tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X.

[8]. Căn cứ các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/5/2018 là 957.937.500 đồng; trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng, nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng;

+ Buộc bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/5/2018 là 638.625.000 đồng; trong đó nợ gốc là

200.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 40.150.000đồng, nợ lãi quá hạn là 398.475.000đồng;

+ Buộc ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/5/2018 là 957.937.500 đồng; trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng, nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng.

Về lãi: Kể từ ngày 16/5/2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

[9]. Trường hợp bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ gốc và lãi trên cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích là 335,9m² thuộc thửa đất 26 tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X và toàn bộ tài sản trên đất và nhà diện tích 118m² để thu hồi nợ (Theo Sơ đồ vị trí ngày 06/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X xác định).

Sau khi các bị đơn trả nợ xong cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 177712 do UBND huyện X cấp ngày 01/9/2004 cho ông Nguyễn Đường Hữu Th2.

[10]. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định; cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ thẩm là: 36.000.000đồng + 3% (của số tiền 157.937.500đồng vượt quá 800.000.000đồng) = 40.738.000đồng (Đã làm tròn số).

- Bà Nguyễn Lê Anh Ph1 phải chịu án phí sơ thẩm là: 20.000.000đồng + 4% (của số tiền 238.625.000đồng vượt quá 400.000.000đồng) = 29.545.000đồng.

- Ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 phải chịu án phí sơ thẩm là: 36.000.000đồng + 3% (của số tiền 157.937.500đồng vượt quá 800.000.000đồng) = 40.738.000đồng (Đã làm tròn số).

- Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và không yêu cầu phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã tạm ứng, nên các bị đơn không phải trả cho nguyên đơn chi phí tố tụng trên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 135, 322, 323, 342, 343, 355, 471, 474, 715, 716 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 429 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 373/QTD ngày 29/9/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 380/QTD ngày 29/9/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 389/QTD ngày 29/9/2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X chứng thực cùng ngày 29/9/2010 vô hiệu một phần đối với phần căn nhà có diện tích 94m² xây dựng ngoài phạm vi quyền sử dụng đất thế chấp tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lệ Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/5/2018 là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng; trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng);

- Buộc bà Nguyễn Lệ Anh Ph1 phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/5/2018 là 638.625.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 40.150.000đồng (Bốn mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 398.475.000đồng (Ba trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Buộc ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/5/2018 là 957.937.500 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn; trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 60.225.000đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 597.712.500đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng);

Kể từ ngày 16/5/2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay

theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Sau khi bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 trả nợ xong cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 177712 được UBND huyện X cấp ngày 01/9/2004 cho ông Nguyễn Đường Hữu Th2.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Lê Anh Ph1, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ gốc và lãi trên cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất diện tích 335,9m² thuộc thửa đất 26 tờ bản đồ số 50 thị trấn P, huyện X, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 177712 do UBND huyện X cấp cho hộ ông Nguyễn Đường Hữu Th2 ngày 01/9/2004 và toàn bộ tài sản trên đất (bao gồm một phần căn nhà cấp 4 diện tích 118m²).

Sơ đồ, vị trí, kích thước thửa đất và tài sản trên đất được xác định bởi các điểm tọa độ 1,2,3,4,5,1 tại sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện X lập ngày 06/7/2017 (Sơ đồ kèm theo bản án).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T phải nộp 40.738.000đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm có giá ngạch.

- Buộc bà Nguyễn Lê Anh Ph1 phải nộp 29.545.000đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm có giá ngạch.

- Buộc ông Nguyễn Hữu Ph và bà Đinh Thị Bích Th1 phải nộp 40.738.000đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng số tiền tạm ứng án phí là 26.320.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005996 ngày 20/8/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy

